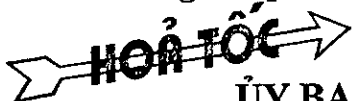


Số: 327/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án “Rà soát, điều chỉnh và bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện An Lão đến năm 2025”



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 08/8/2018 của Hội đồng thẩm định Dự án rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện An Lão đến năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 791-TB/TU ngày 24/6/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy về Dự án rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện An Lão đến năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 51/TTr-KHĐT ngày 16/12/2019 và của Ủy ban nhân dân huyện An Lão tại Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 10/12/2019 về việc đề nghị phê duyệt Dự án “Rà soát, điều chỉnh và bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện An Lão đến năm 2025”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án “Rà soát, điều chỉnh và bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện An Lão đến năm 2025” với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát huy vị trí địa kinh tế và các nguồn lực để đẩy mạnh tăng trưởng, hội nhập và giao lưu kinh tế với bên ngoài phát triển kinh tế xã hội huyện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế trên cơ sở tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng tăng dần tỷ trọng các sản phẩm chăn nuôi, thủy sản và các loại cây có giá trị kinh tế cao.

b) Phát triển An Lão theo hướng kinh tế xanh, đồng bộ về hạ tầng, khai thác và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, bảo vệ nghiêm ngặt cảnh quan đồi núi, sông nước có giá trị lịch sử, văn hóa, du lịch trên địa bàn, tăng cường công tác bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, từng bước hiện đại hóa công nghệ sản xuất phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Phát huy yếu tố con người, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ năng lực làm chủ công nghệ và có tính chuyên nghiệp cao.

d) Phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững an ninh chính trị, ổn định trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu xây dựng huyện An Lão trở thành huyện vững mạnh về chính trị, giàu về kinh tế, lành mạnh về văn hóa và vững chắc về quốc phòng - an ninh, hiện đại, đồng bộ về hạ tầng, phát triển theo hướng xanh, bền vững. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp; giải quyết tốt việc chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn, bảo đảm công bằng xã hội; nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân. Quy hoạch phát triển thị trấn An Lão trở thành đô thị vệ tinh của thành phố Hải Phòng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu về kinh tế:

- Giá trị sản xuất trên địa bàn tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 16%/năm, giai đoạn 2021-2025 là 15,3%/năm; tăng trưởng tương ứng các nhóm ngành: Công nghiệp - xây dựng 19,8%/năm và 17,1%/năm, Nông, lâm thủy sản 7,0%/năm và 3,5%/năm, Dịch vụ 14,5%/năm và 15,6%/năm.

Cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất các nhóm ngành Công nghiệp, xây dựng - Nông, lâm, thủy sản - Dịch vụ vào năm 2020 là 49,6% - 15,9% - 34,5%; năm 2025 tương ứng là 55,2% - 10,6% - 34,2%.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 đạt 5.648 tỷ đồng (giá so sánh 2010), giai đoạn 2021-2025 đạt 12.751 tỷ đồng, trong đó địa phương quản lý tương ứng là 557 tỷ đồng/năm và 1.257 tỷ đồng/năm.

- Thu ngân sách trung bình hàng năm giai đoạn 2016-2020 đạt 1.100 - 1.300 tỷ đồng, trong đó thu cân đối ngân sách huyện là 220 - 250 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2025 thu ngân sách đạt 2.300 - 2.500 tỷ đồng, trong đó thu cân đối ngân sách đạt 400 - 430 tỷ đồng.

b) Về kết cấu hạ tầng:

Giai đoạn đến năm 2020 ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng với các tiêu chuẩn của đô thị loại I và tiệm cận với đô thị loại đặc biệt ở một số tiêu chí.

Năm 2019 hoàn thành xây dựng nông thôn mới với kết cấu hạ tầng thuận lợi cho phát triển kinh tế và giao lưu với bên ngoài. Đến năm 2020 cơ bản xây dựng được chính quyền điện tử, xây dựng và vận hành hệ thống quản lý giao thông đô thị thông minh với hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất, bảo đảm kết nối trực tuyến, tích hợp và chia sẻ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, nhà đầu tư, doanh nghiệp, người dân. Tỷ lệ sử dụng giao thông công cộng đạt 20% vào năm 2020 và 30% vào năm 2030.

c) Về văn hóa, xã hội, môi trường:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2025
1	Giải quyết việc làm hàng năm (việc làm mới/năm)	2.300 - 3.000	3.000 - 3.500
2	Tỷ lệ người không có việc làm thường xuyên (%)	< 5,0	< 4,0
3	Thời gian làm việc của lao động nông thôn (%)	85	90
4	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	64	78
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	80	85
	Trong đó: đào tạo nghề	55	60
6	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch sinh hoạt (%)	98	100
7	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (%)	< 10,0	< 8,0
8	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	2	< 2

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2025
9	Hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới tại 100% số xã vào năm 2019		
10	Tỷ lệ rác thải, nước thải sinh hoạt ở khu vực đô thị được thu gom và xử lý hợp vệ sinh (%)	100	100
11	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở khu vực nông thôn được thu gom và xử lý hợp vệ sinh (%)	95	98
12	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom đạt quy chuẩn (%)	100	100
13	Tỷ lệ các KCN và CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn (%)	80	100
14	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất công nghiệp phải xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn (%)	100	100
15	Tỷ lệ chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại công nghiệp được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn (%)	100	100
16	Tỷ lệ chuồng trại hợp vệ sinh (%)	90	95
17	Đến năm 2025 xây dựng và hoàn thiện các điểm thu gom xử lý rác thải tại các xã, 75% số bãi chôn lấp đạt quy chuẩn		
18	Số xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai có được những kiến thức về phòng, chống lụt, bão, hạn hán, thích ứng với biến đổi khí hậu (%)	100	100
19	Số công chức, viên chức có kiến thức cần thiết về biến đổi khí hậu và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu (%)	100	100

d) Mục tiêu về quốc phòng - an ninh:

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, khu vực phòng thủ huyện vững chắc. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, đối phó có hiệu quả với các âm mưu, thế lực thù địch, diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ, phòng ngừa các loại tội phạm, đảm bảo trật tự an ninh, an toàn xã hội trên địa bàn trong mọi tình huống.

3. Các khâu đột phá phát triển

a) Phát triển nâng cấp và hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng của huyện, gắn kết huyện với các vùng lân cận. Đặc biệt chú trọng đầu tư cho hạ tầng giao thông do huyện quản lý, hạ tầng các CCN An Tràng (TT. Trường Sơn); CCN phía Tây thị trấn An Lão, hạ tầng bảo vệ môi trường của huyện.

b) Ưu tiên phát triển mạnh công nghiệp, trước hết là các ngành công nghiệp chế biến, các nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống, từng bước thâm nhập vào các ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ cao của thành phố như các ngành điện tử, điện lạnh, tin học, cơ khí chế tạo. Ưu tiên đầu tư vào các khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn. Mở rộng quy mô các điểm công nghiệp hiện có và từng bước hình thành và phát triển các CCN khác có quy mô vừa và nhỏ với các ngành TTCN làm vệ tinh của các KCN của thành phố.

c) Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ với trọng tâm phát triển là dịch vụ thương mại, du lịch, dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho phát triển công nghiệp, dịch vụ kho bãi sau cảng biển, các dịch vụ vận tải.

d) Huy động đa dạng các nguồn lực đầu tư phát triển nền nông nghiệp sinh thái ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa, đặc biệt là rau, củ, quả sạch. Đầu tư phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phát triển lúa, rau công nghệ cao tại các xã. Có kế hoạch tăng nguồn thu để cân đối nhu cầu chi đảm bảo lộ trình xây dựng NTM. Từng bước mở rộng quy mô và phân ngành ứng dụng công nghệ quản lý để phát triển nền nông nghiệp thông minh.

đ) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp và đội ngũ cán bộ kỹ thuật lành nghề. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư phát triển.

4. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

4.1. Phát triển các ngành kinh tế

a) Công nghiệp - Xây dựng

- Phát triển công nghiệp của huyện trên cơ sở đa dạng hóa ngành nghề, phát triển công nghiệp sạch, theo hướng chuyên sâu, chất lượng và bền vững về sinh thái, giảm thiểu tối đa việc gây ô nhiễm môi trường. Khuyến khích đầu tư quy mô lớn, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất các sản phẩm có tính cạnh tranh cao.

- Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp chủ đạo, ứng dụng công nghệ cao như sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ các ngành công nghiệp phụ trợ, các ngành điện - điện tử sản xuất các loại máy công cụ, nông cụ, các sản phẩm từ kim loại, cơ khí chính xác, ngành dệt may, sản xuất bao bì, nhựa kỹ thuật, điện tử, điện lạnh, công nghiệp thông tin, thiết bị điện, vật liệu mới... Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đẩy nhanh tiến độ đưa vào hoạt động các dự án mở rộng KCN Trảng Duệ (600ha), hoàn thiện cơ sở hạ tầng KCN Cầu Cựu (102,47ha). Chú trọng đầu tư các dự án sản xuất nước giải khát, chế biến rau, củ, quả và nông sản; các dây chuyền chế biến thịt, tinh bột, sản xuất nước chấm, chế biến sản phẩm chăn nuôi và thức ăn gia súc.

Giai đoạn đến năm 2020: Phát triển Khu Công nghiệp Cầu Cựu (thôn Cầu Đông xã Quang Trung), xây dựng kết cấu hạ tầng CCN phía Tây Thị trấn An Lão (50ha) theo hướng công nghiệp công nghệ cao; và CCN Cẩm Văn (xã Quốc Tuấn) quy mô 30ha; CCN An Tràng I (diện tích 45ha) CCN An Tràng II (diện tích 45ha) trên cơ sở hiện trạng; CCN Quang Trung (diện tích 36ha).

Giai đoạn 2021-2025: Phát triển các cụm công nghiệp An Thọ (DT 50 ha); Chiến Thắng (DT 30ha); Cẩm Văn (xã Quốc Tuấn) quy mô 30ha; Cửa Hoạt – Quán Thắng (DT 36 ha); CCN Thị trấn An Lão (50 ha).

- Củng cố và khôi phục các nghề truyền thống như thêu ren, dệt thảm len và cói, làng nghề mây, song tre đan; cây cảnh... gắn với các hoạt động du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch đồng quê, đảm bảo chất lượng môi trường.

b) Các ngành dịch vụ

- Tập trung phát triển nhanh các ngành dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp hoá, hiện đại và hội nhập quốc tế. Nâng cấp chợ trung tâm TT.An Lão, chợ TT. Trường Sơn, chợ Mỹ Đức, Quang Trung, chợ Bát Trang, chợ các khu tái định cư của các dự án giao thông và cải tạo hệ thống chợ xã trên địa bàn toàn huyện. Đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, các siêu thị trên địa bàn hai thị trấn An Lão và Trường Sơn. Quy hoạch xây dựng chợ đầu mối An Lão. Tăng cường công tác quản lý vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao trình độ văn minh thương mại. Đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây mới các cửa hàng bán lẻ xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng LPG.

- Khuyến khích đầu tư sản xuất một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực dựa trên thế mạnh đặc thù về nông sản thực phẩm chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ... và nhập khẩu các thiết bị dây truyền công nghệ tiên tiến, các vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất.

- Xây dựng huyện trở thành điểm du lịch năng động, độc đáo, phát triển du lịch thể thao Núi Voi, xây dựng sân gôn ven sông Lạch Tray, hình thành các tour du lịch Tâm linh - Du khảo đồng quê, tour du thuyền trên sông Đa Độ, du lịch sinh thái, nhà vườn, chú trọng phát triển các liên kết du lịch tại Hải Phòng và quốc tế.

- Duy trì, khai thác ổn định và nâng cấp, cải tạo các loại hình vận tải, các loại hình dịch vụ bưu chính - viễn thông và dịch vụ tài chính, bảo hiểm, xúc tiến thương mại, dịch vụ vui chơi giải trí... đáp ứng ngày càng tốt cho nhu cầu của người dân và khách du lịch.

c) Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Phát triển nền nông nghiệp bền vững về sinh thái, sạch, đạt hiệu quả cao và tiến dần đến nền nông nghiệp công nghệ cao, tạo ra giá trị lớn. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội ngành nông lâm thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, chuyên canh, trước hết là sản xuất rau công nghệ cao, ứng dụng kỹ thuật - công nghệ tiên tiến gắn với hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phân đấu phân đấu đạt 100% diện tích sản xuất rau, củ, quả theo hướng an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP; giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản từ 182,5 triệu đồng/ha.năm 2015 lên 194 triệu đồng/ha vào năm 2020, 215-220 triệu đồng/ha năm 2025.

- Tiếp tục triển khai dồn điền đổi thửa, nhân rộng mô hình cánh đồng mẫu lớn, với các vùng trồng rau an toàn, vùng sản xuất lúa chất lượng cao, vùng trồng hoa cây cảnh chuyên canh, vùng nuôi trồng thủy sản... Sau năm 2025 Quy

hoạch 01 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp quốc gia tại 02 xã: Chiến Thắng, Mỹ Đức diện tích 200ha chủ yếu sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao. Tăng quy mô sản xuất, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ, giảm tổn thất sau thu hoạch, tăng cường chế biến tinh, chế biến sâu các sản phẩm từ lúa gạo, chế biến phụ phẩm. Phát triển chăn nuôi tập trung gia trại, trang trại theo hướng công nghiệp, khuyến khích áp dụng chăn nuôi công nghệ cao. Xây dựng, đưa vào hoạt động một cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung công nghiệp tại An Tiến công suất giết mổ 500 gia súc và 10.000 con gia cầm/ngày. Tăng cường kiểm tra an toàn thực phẩm các cơ sở kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, thực hiện các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa các sự cố an toàn thực phẩm.

- Tập trung cải tạo diện tích rừng tự nhiên kém hiệu quả trên địa bàn huyện và đất rừng tự nhiên sản xuất thành rừng phòng hộ cảnh quan môi trường tại khu đô thị mới An Lão và cải tạo toàn bộ dãy rừng quanh Khu sinh thái nghỉ dưỡng Núi Voi, đảm bảo tỷ lệ cây xanh quy định tại khu vực đô thị và nâng cao khả năng phòng hộ tại các khu vực rừng sản xuất. Nghiên cứu phát triển trồng rừng với chăn nuôi bò thịt và bò sữa.

- Xây dựng các vùng nuôi thủy sản tập trung theo hướng thâm canh, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, kết hợp với việc áp dụng các công nghệ tiên tiến. Đến năm 2025 nghiên cứu xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao 100 ha.

- Phát triển các dịch vụ cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, dịch vụ nước sạch, vệ sinh môi trường ở nông thôn, đến năm 2019, tất cả các xã trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn về môi trường theo tiêu chí nông thôn mới; 100% các cụm cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề có xử lý chất thải.

- Đầu tư nâng cấp đường liên thôn, trường học và trạm y tế xã đã xuống cấp để đảm bảo đủ chuẩn theo quy định hiện hành. Hoàn thành xây dựng huyện nông thôn mới vào năm 2020.

4.2. Phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Đổi mới căn bản và toàn diện, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Tiếp tục duy trì quy mô giáo dục phổ thông, mở rộng, phát triển quy mô giáo dục mầm non. Giữ vững và phát huy kết quả phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập THCS, phổ cập bậc trung học và nghề, đảm bảo đủ nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề cao, đáp ứng được các yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập.

Đến năm 2020, toàn huyện có 17-18 (95%) trường tiểu học, 12-13 (75%) trường THCS, 30-35% trường THPT đạt chuẩn quốc gia. Năm 2025 có 100% số trường tiểu học, 80% trường THCS, 40-50% số trường THPT đạt chuẩn quốc gia. Cải tạo, mở rộng diện tích một số trường Mầm non, trường Tiểu học, xây dựng

thêm phòng học, nhà hiệu bộ... cho các trường còn thiếu so với quy định; thực hiện tách và dồn một số điểm lẻ của các trường mầm non theo quy hoạch. Đến năm 2020 có 80% và năm 2025 có 85-87% các trường tiểu học, THCS có phòng học bộ môn đạt chuẩn.

Giai đoạn 2021-2025: 100% trường tiểu học, 85% trường THCS và 60-65% trường THPT đạt chuẩn quốc gia. Xây dựng mới trường tiểu học Quang Hưng, trường THCS Quang Trung. Cơ bản các trường học được đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật đạt kiên cố hóa, hiện đại hóa.

Phát triển hệ thống dạy nghề chất lượng cao, định hướng thị trường, hiện đại hóa, chuẩn hóa, xã hội hóa và hội nhập khu vực, quốc tế. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên khoảng trên 80% vào năm 2020 và 85% năm 2025, trong đó lao động qua đào tạo nghề đạt tương ứng vào các năm là 55% năm 2020, 60% năm 2025.

b) Y tế

Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ở tất cả các tuyến, nâng tỷ lệ khám, chẩn đoán đúng bệnh, trị bệnh hiệu quả cao. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tử vong và tàn tật; khống chế các bệnh truyền nhiễm, các bệnh gây dịch thường gặp và mới nổi, không để dịch lớn xảy ra. Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập, đẩy mạnh phối hợp y tế công - tư.

Phấn đấu đến năm 2020 có 100% số xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn dưới 10% vào năm 2020, dưới 8% vào năm 2025. Phấn đấu 100% các trạm y tế có bác sĩ và đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn 2; Duy trì 100% thôn có nhân viên y tế hoạt động.

c) Văn hóa - thể thao

Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các Nhà Văn hóa xã, thị trấn, Điểm Văn hóa khu dân cư. Xây dựng chương trình đầu tư khôi phục và bảo tồn vốn văn hoá cổ, văn hoá dân gian có giá trị trên địa bàn huyện.

Đến năm 2020 trên địa bàn huyện có 35-38% dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; năm 2025 tỷ lệ này đạt trên 45%.

d) An sinh xã hội

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách, biện pháp trợ giúp người nghèo phát triển kinh tế, giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều xuống còn 2% vào 2020 dưới 2% trong thời kỳ 2021-2025.

đ) Khoa học và công nghệ

Tăng cường các hoạt động chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong các ngành và lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế, đảm bảo tạo chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả. Hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới và

nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng các sản phẩm, hàng hóa chủ lực.

4.3. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

Đường bộ:

** Giai đoạn 2016 - 2020:*

- Các tuyến quốc lộ: Hoàn thành các hạng mục phụ trợ của đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng. Tiếp tục triển khai việc nâng cấp QL10 đạt tiêu chuẩn đường cấp II đồng bằng (mở rộng đoạn từ Quán Toan đến Bí Chợ; xây dựng đường gom QL10).

- Đường tỉnh: Đường vành đai 3 đoạn từ Hưng Đạo đến nút giao QL10; Cải tạo, nâng cấp các tuyến ĐT.354 (đường nối QL5 và QL10 qua địa phận An Lão), ĐT.357, ĐT.360, ĐT.362 kết nối các quận huyện lân cận và các tuyến đường huyện.

- Đường huyện: Xây dựng mới đường QH5 từ QL10 đến đê Văn Úc, đường QH6 từ ĐT.357 đến QL10 cũ. Nâng cấp cải tạo các tuyến đường huyện ĐH35, ĐH.36, ĐH.37, ĐH.38. Cải tạo, nâng cấp ĐH.31 từ TT An Lão đi xã Bát Trang. Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Mỹ Đức - xã An Thọ, tuyến đường từ đường tỉnh 354 đến đường trục huyện 39.

- Giao thông nội thị : Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường trục chính hiện có như Đường Trần Tất Văn, Đường Ngô Quyền (đường tỉnh 360), hè đường hai bên của đường Lê Lợi (đường tỉnh 357), đường Nguyễn Văn Trỗi (đường huyện 33), đường Nguyễn Chuyên Mỹ (thuộc ĐH.36), quy hoạch đường huyện 305 (đoạn đi qua thị trấn). Quy hoạch đường trục kết nối từ đường Ngô Quyền với Quốc lộ 10 tại điểm đầu nối số 17, đường vành đai Thị trấn, các tuyến đường phân khu vực của thị trấn.

- Đảm bảo tiêu chí về giao thông đối với tất cả các xã nông thôn mới.

** Giai đoạn 2021 - 2025:*

- Giao thông đối ngoại: Nâng cấp đường vành đai 3 đoạn trùng QL.10 từ Trường Thành đến An Dương: đường cấp II, 4 làn xe, xây dựng mới đường Mỹ Đức – Đại Hợp (QH3) đạt cấp III, 2 làn xe.

- Đường tỉnh: Xây dựng đường tỉnh 357 Trường Sơn – An Lão, ĐT 360 Quán Trữ - phà Quang Thanh cấp III, 2 làn xe; cầu Quang Thanh trên tuyến đường tỉnh 360 qua sông Văn Úc; bến xe liên tỉnh Bến xe phía Tây 2 Trường Thành – Trường Thọ quy mô kỹ thuật đạt loại 1. Hoàn chỉnh đường tỉnh 360 kéo dài đoạn qua xã Quang Hưng.

- Đường huyện: Xây dựng tuyến đường bờ sông từ cầu Vàng 1 đi qua Trụ sở Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện An Lão đến cầu Vàng 2, tuyến đường cứu

hộ, cứu nạn kết hợp giao thông từ thị trấn Trường Sơn đến đê hữu Lạch Tray, huyện An Lão.

- Hệ thống cầu và bến, bãi: Nâng cấp, duy trì hoạt động Bến xe khách An Lão, đến năm 2025 xây dựng Bến xe khách An Lão mới và điểm trung chuyển xe buýt của thành phố tại BX An Lão. Nghiên cứu quy hoạch bãi đỗ xe của các công trình nhà ở cao tầng, thấp tầng và công cộng. Cải tạo, nâng cấp cầu Vàng 1, xây dựng mới cầu Vàng 3, cầu vượt đường cao tốc qua xã Tân Viên, cầu qua sông Văn Úc tại Quang Thanh, cầu cảnh quan sông Đa Độ.

- Giao thông công cộng: Quy hoạch mạng lưới ô tô buýt gồm 4 tuyến Khu công nghiệp Đình Vũ - thị trấn An Lão, tuyến Phà Quang Thanh - Siêu thị Metro, tuyến Thị trấn An Lão - xã Hùng Thắng (Cổng Rộc), tuyến Thị trấn An Lão - đảo Cát Hải, tuyến Bến xe phía Tây 2 - Bến xe khách phía Bắc

- Đường thủy: Tập trung nạo vét, nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa trên các sông hiện đang khai thác, đầu tư nâng cấp hệ thống sông Đa Độ. Bảo vệ nghiêm ngặt hành lang an toàn đường bộ của QL10, đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, các hành lang an toàn cầu đường bộ, cầu đường sắt, hành lang bảo vệ luồng hàng hải, đảm bảo an toàn phạm vi vùng phụ cận các công trình thủy lợi, các kênh.

b) Cấp điện

Đến năm 2020 quy hoạch xây dựng các trạm biến áp An Lão 1 (2x40MVA), An Lão 2 (1x40MVA), Trạm biến áp trung gian 35/10kV An Lão, các trạm biến áp 22kV/0,4kV. Cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp phụ tải 35/0,4kV và 10/0,4kV hiện có thành trạm 22kV/0,4kV. Xây dựng đường dây 110kV từ MBA 220kV trong trạm 500kV cấp điện cho TBA An Lão 2; đường dây 110kV (Đồng Hòa - trạm 110kV An Lão). Hạ ngầm tất cả các đường dây nổi hiện có của lưới trung thế 22kV, lưới điện 0,4kV tại các trục đường chính và các khu đô thị mới tại các thị trấn của huyện tiến tới hạ ngầm toàn bộ hệ thống lưới điện 0,4kV. Sau năm 2020 quy hoạch xây dựng TBA 220 kV An Lão công suất 2x250 MVA trong TBA 500 kV Hải Phòng.

c) Thủy lợi

Nâng cấp, tu bổ các công trình thủy lợi hiện có trên địa bàn huyện, ngăn ngừa xói lở đất, hạn chế tối đa tác hại của thiên tai, bảo vệ môi trường lưu vực sông. Quy hoạch các công trình bảo vệ lòng dẫn, bảo vệ hai bên bờ sông, đặc biệt ưu tiên đối với sông Đa Độ. Xây dựng các dự án thu gom nước thải, hồ điều hòa, nhà máy xử lý nước thải trước khi xả thải vào môi trường. Thực hiện kế hoạch giải tỏa các công trình xây dựng trong phạm vi chỉ-giới bảo vệ nguồn nước sau khi cấm mốc.

d) Cấp, thoát nước

- Cấp nước: Phát huy hiệu quả công suất của các nhà máy nước và các hệ thống cấp nước hiện có. Đầu tư nâng công suất nhà máy nước An Tiến lên 15.100 m³/ngđ., NMN Quang Trung lên 16.500 m³/ngđ.

- Thoát nước: Quy hoạch thoát nước mưa khu vực các đô thị theo hệ thống thoát riêng; hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt đủ tiêu chuẩn kỹ thuật; nước thải công nghiệp, y tế phải được xử lý đạt tiêu chuẩn mới được xả thải vào môi trường tiếp nhận. Nước thải sau khi được xử lý đạt các thông số cho phép sẽ được bơm ra sông Lạch Tray.

đ) Thông tin và truyền thông

Nâng cấp hạ tầng mạng lưới buro chính, viễn thông, hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, đồng bộ; duy trì hiệu quả tuyến cáp quang và các hình thức truyền dẫn khác đến 100% xã, phủ sóng 4G đến 100% khu dân cư. Thực hiện ngầm hóa mạng cáp viễn thông, phát triển trạm BTS theo quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động.

Phấn đấu đạt 100% xã, thị trấn có trạm truyền thanh sử dụng tần số theo quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM; 100% thôn, xóm, tổ dân phố có cụm loa truyền thanh. 90% cơ quan nhà nước cấp huyện và 45% cơ quan nhà nước cấp xã, thị trấn triển khai hệ thống một cửa điện tử, sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ công việc và hệ thống thư điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; 30% xã, thị trấn có cổng thông tin giao tiếp với người dân.

4.4. Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất, bảo vệ môi trường, xây dựng hạ tầng kỹ thuật các dự án trong các KCN, CCN.

- Ngăn chặn, chấm dứt tình trạng suy giảm nguồn nước ngọt, kiểm soát ô nhiễm nước sông và nước ngầm. Xây dựng khu xử lý nước thải tập trung phục vụ thị trấn An Lão công suất 8.200m³/ngày đêm. Thực hiện kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng theo quy hoạch và thực hiện quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải. Sau năm 2020 quy hoạch đầu tư xây dựng hệ thống nước thải sinh hoạt tách riêng với hệ thống thoát nước mưa tại địa bàn các đô thị An Lão và Trường Sơn. Đến năm 2025 nghiên cứu xây dựng một khu xử lý chất thải rắn tập trung của huyện diện tích 10ha.

- Cải tạo, nâng cấp mở rộng nghĩa trang An Thắng thành nghĩa trang tập trung cho huyện An Lão. Hạn chế hung táng, khuyến khích hỏa táng.

- Đẩy mạnh các chương trình, dự án khắc phục, cải tạo các vùng đất, nguồn nước bị ô nhiễm và các hệ sinh thái tự nhiên đang bị hủy hoại; trồng rừng tại đất trống đồi trọc. Tăng cường kiểm tra, xử lý khai thác cát trái phép trên

sông Văn Úc. Triển khai kế hoạch cấm mốc, giải phóng mặt bằng hành lang bảo vệ nguồn nước sông Đa Độ.

- Lòng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh. Triển khai hiệu quả việc tái cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu.

4.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh

Phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận chiến tranh nhân dân vững mạnh, hình thành thể trận phòng thủ liên hoàn vững chắc trên từng địa bàn. Triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp nhằm giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, có phương án xử lý kịp thời các tính huống có thể xảy ra. Thực hiện quy hoạch xây dựng trong khu vực phòng thủ đã được phê duyệt.

5. Phương hướng tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội và định hướng sử dụng đất

5.1. Bố trí lãnh thổ kinh tế

Các trọng điểm phát triển theo không gian của huyện An Lão gồm 2 hành lang động lực về kinh tế và 3 cụm kinh tế chuyên ngành với các chức năng chủ đạo như sau:

- Hành lang kinh tế huyện dọc Quốc lộ 10 gồm các xã Quang Trung, Quốc Tuấn, An Tiến, Trường Thành, Trường Thọ và Thị trấn An Lão thuộc vòng cung công nghiệp của Thành phố Hải Phòng. Hoạt động chủ yếu gồm công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ vận tải, cơ khí, du lịch, giáo dục đào tạo, nghỉ dưỡng, nông nghiệp công nghệ cao.

- Hành lang kinh tế huyện dọc đường tỉnh 354 gồm các xã Chiến Thắng, Mỹ Đức, An Thái, An Thọ với tổ hợp các ngành dịch vụ, TTCN, nông nghiệp, thủy sản sản xuất hàng hóa. Trong đó lấy Mỹ Đức là trung tâm để phát triển các ngành công nghiệp chế biến, cơ khí nhỏ, dịch vụ nông ngư nghiệp và thương mại.

- Trung tâm tổng hợp Hành chính - Thương mại - Dịch vụ - Văn hóa là khu vực Thị trấn An Lão hiện nay và phần mở rộng sang các xã Quốc Tuấn, Trường Thọ và toàn bộ xã An Tiến vào trước năm 2025. Thị trấn Trường Sơn trong tương lai sẽ phát triển theo hướng công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao, phục vụ phát triển các thị tứ và nông nghiệp công nghệ cao vùng nông thôn của huyện

- Cụm nông nghiệp sinh thái phía Tây Bắc gồm các xã Bát Trang, Quang Hưng và Trường Thọ, chủ yếu là sản xuất nông sản hàng hóa, dịch vụ nông nghiệp, cơ khí nhỏ, du lịch sông nước và TTCN, chế biến nông sản, dịch vụ sửa chữa cơ khí.

- CCN công nghiệp – đô thị - dịch vụ phía Đông là Thị trấn Trường Sơn với vùng ảnh hưởng là các xã Thái Sơn, An Thắng. Hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp, nông nghiệp hàng hóa, du lịch lịch sử và sinh thái.

5.2. Phát triển đô thị và nông thôn

- Nâng cấp thị trấn An Lão lên đô thị loại IV vào năm 2025, trở thành đô thị vệ tinh của Hải Phòng. Định hướng phát triển theo hướng Đông về thị trấn Trường Sơn, chủ yếu bố trí các công trình dịch vụ-thương mại và nhà ở; theo hướng Tây phát triển về ngã tư Quang Thanh, bố trí các công trình công cộng của huyện và thị trấn, nhà ở mới; theo hướng Nam về hướng xã An Thắng, tập trung phát triển đất ở để đáp ứng nhu cầu định cư trong tương lai; theo hướng Bắc về Quốc lộ 10: phát triển khu đô thị mới với trụ sở hành chính chính trị huyện. Đến năm 2050 định hướng phát triển đô thị về phía Núi Voi. Công trình chính trị-hành chính huyện được hợp khối và bố trí tại trung tâm của đơn vị ở mới Hoàng Xá.

Phát triển đô thị Trường Sơn lên loại V làm các đô thị vệ tinh của đô thị lõi Hải Phòng theo hướng đô thị công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp sinh thái chất lượng cao, mở rộng không gian nông nghiệp sinh thái, dịch vụ. Hình thành các cụm công nghiệp, dịch vụ, các khu dân cư tập trung có đầy đủ hạ tầng kỹ thuật và xã hội đảm bảo điều kiện mở rộng liên kết kinh tế của huyện tới các quận, huyện liền kề.

Hình thành các thị tứ đô thị loại V tại Mỹ Đức giáp quận Kiến An (điểm xuất khẩu rau, hoa cao cấp vào thành phố); thị tứ Bát Trang (giao lưu thương mại và tập hợp hàng hóa cho chế biến và xuất khẩu) và thị tứ Quang Trung trên trục QL10 theo hướng đô thị sinh thái gắn với khu vực nông nghiệp công nghệ cao.

- Phát triển khu vực nông thôn:

Hình thành các cụm công nghiệp, cụm du lịch – dịch vụ trên địa bàn các xã của huyện làm tiền đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn.

Đầu tư phát triển Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Núi Voi trên nền của các khu công viên cây xanh. để trong tương lai dài hạn trở thành khu nghỉ dưỡng sinh thái đặc biệt nội đô của Hải Phòng.

Đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật và các công nghệ mới vào sản xuất, sử dụng các loại giống mới năng suất cao; tập trung xây dựng hệ thống thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương, bảo đảm chủ động tưới tiêu, ngăn mặn, kiểm soát ngập úng.

5.3. Định hướng quy hoạch sử dụng đất

Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh nhằm nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp. Chuyển một phần diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang sử dụng nuôi thủy sản hoặc sản xuất

nông nghiệp khác, hạn chế tối thiểu việc chuyển đổi diện tích trồng lúa sang các mục đích khác. Ổn định diện tích đất rừng phòng hộ hiện có, phát triển rừng trồng kinh tế trên diện tích đất chưa sử dụng. Chuyển đổi phù hợp cơ cấu trong nội bộ đất phi nông nghiệp đảm bảo hiệu quả sử dụng cho các mục đích kinh tế - xã hội. Bảo vệ và có quy hoạch, chính sách khai thác có hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng; ngăn chặn tình trạng đất bị xâm hại, lấn chiếm đất.

6. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư (có danh mục chương trình, dự án kèm theo)

7. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

7.1. Giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư

Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đảm bảo tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư trung bình trong kỳ quy hoạch là 16,6%/năm. tăng cường khai thác các nguồn thu, tiết kiệm chi, duy trì mức đầu tư từ ngân sách bình quân hàng năm khoảng 136 tỷ đồng/năm thời kỳ 2016-2020 và 280 tỷ đồng/năm thời kỳ 2021-2025.

Đa dạng hoá các hình thức huy động vốn, tích cực và chủ động lựa chọn các dự án có quy mô lớn, sử dụng công nghệ cao hoặc sử dụng nhiều lao động vào các KCN và các ngành chủ đạo. Ưu tiên đầu tư cho đổi mới thiết bị và các dự án công nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Đề xuất với thành phố kêu gọi đầu tư từ các nguồn ODA của các nhà tài trợ lớn cho các công trình hạ tầng kinh tế, tranh thủ các dự án NGO để đầu tư cơ sở hạ tầng nông nghiệp và hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân. Hướng đầu tư trực tiếp (FDI) vào các ngành công nghiệp công nghệ cao, hướng xuất khẩu. Tăng cường công tác quản lý đầu tư đảm bảo hiệu quả quy mô đầu tư, tiết kiệm tránh lãng phí từ lập, phê duyệt dự án.

7.2. Giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực

- Giải pháp phát triển công nghiệp - thương mại - du lịch:

Khuyến khích và hỗ trợ các dự án ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ cao, đầu tư chiều sâu, sử dụng nhiều lao động và nguyên liệu địa phương, sử dụng thiết bị, công nghệ hiện đại. Triển khai có hiệu quả các chương trình khuyến công, đặc biệt là chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề, chuyển giao công nghệ, thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm. Hình thành các hệ thống dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề. Thực hiện tốt hoạt động xúc tiến đầu tư hỗ trợ doanh nghiệp, chú trọng thu hút các dự án chế biến sâu các sản phẩm huyện có lợi thế; các dự án liên doanh, liên kết, hình thành các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp.

Nâng cấp và đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng đảm bảo cho việc phát triển các dịch vụ chất lượng cao và hội nhập. Sắp xếp lại thị trường tiêu thụ nông sản,

hình thành các chợ đầu mối buôn bán lớn. Khẩn trương xây dựng Trung tâm thương mại của huyện, phát triển thị trường mới, thị trường hàng hoá xuất khẩu.

Quy hoạch phát triển các tuyến du lịch du khảo đồng quê gắn với sản phẩm du lịch tâm linh, văn hóa, lịch sử tại các xã và du lịch cộng đồng, kết nối với các tuyến du lịch của Hải Phòng ra quốc tế.

- Giải pháp phát triển nông, lâm, thủy sản:

Thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp sinh thái sản xuất sản phẩm chất lượng sạch, an toàn. Quan tâm cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng, các trạm bơm điện phục vụ sản xuất. Xây dựng các quy trình, hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng, ứng dụng KH-CN trong quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

Đẩy mạnh hỗ trợ tín dụng nông thôn trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, cho vay mua sắm máy móc thiết bị sản xuất và chế biến.

- Giải pháp thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới:

Đẩy nhanh và nhân rộng mô hình “cánh đồng lớn”, “cánh đồng liên kết” gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, trọng tâm là hệ thống đường vận chuyển và hệ thống thủy lợi trong vùng sản xuất gắn với quy hoạch khu dân cư nông thôn. Huy động cộng đồng tham gia vào việc kiên cố hóa đê điều, khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven sông.

Ưu tiên tối đa các nguồn vốn của ngân sách các cấp để triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới kết hợp với tín dụng đầu tư của nhà nước, hỗ trợ sau đầu tư và các ưu đãi đầu tư để hỗ trợ hình thành và phát triển các ngành nghề tại khu vực nông thôn, tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ gia đình, phát triển làng nghề.

- Giải pháp phát triển giáo dục: Tiếp tục đầu tư hợp lý để xây dựng mạng lưới trường lớp theo hướng kiên cố hóa, đạt chuẩn quốc gia. Đa dạng hoá các loại hình đào tạo nghề, các loại hình trường lớp, khuyến khích đầu tư xây dựng các trường tư thục. Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, quan tâm đến giáo dục tại các xã ở khu vực nông thôn.

- Giải pháp phát triển y tế: Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn cho cán bộ y tế cấp cơ sở, khuyến khích phát triển dịch vụ y tế và thu hút đầu tư xây dựng các phòng khám, phòng mạch, bệnh viện tư nhân.

7.3. Giải pháp về chính sách

Hỗ trợ tín dụng cho phát triển công nghiệp sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, chế biến sâu, hướng xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng xử lý chất thải công nghiệp, hạ tầng bảo vệ môi trường các xã, đặc biệt là hạ tầng xử lý

chất thải rắn nông thôn, xử lý nước thải khu vực các thị trấn. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu, cụm, điểm du lịch, tăng cường mạng lưới chợ nông thôn ở các xã, các điểm đông dân cư.

Đẩy mạnh việc cải thiện môi trường cho phát triển sản xuất, kinh doanh; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; khuyến khích phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại gia đình, kinh tế hợp tác xã.

Đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế tập thể, tạo điều kiện thuận lợi để các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển hiệu quả trong mọi lĩnh vực, coi đây là nền tảng phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

7.4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở cho giáo dục và đào tạo theo hướng đồng bộ và hiện đại hóa, chú trọng các bộ môn ngoại ngữ và tin học. Thực hiện phân luồng hợp lý học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Đào tạo nghề cho 80% học sinh không thi đỗ vào đại học.

Nâng cao chất lượng các trung tâm, trường dạy nghề trên địa bàn. Tạo điều kiện cung cấp thông tin thị trường cho người lao động thông qua các chương trình khuyến nghiệp. Áp dụng các chính sách khuyến khích phát triển mạng lưới dạy nghề, sử dụng, đãi ngộ nhằm thu hút nhân tài về huyện. Thực hiện đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ doanh nhân, quản trị doanh nghiệp và sắp xếp, bố trí sử dụng lao động có hiệu quả. Mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế trong các hoạt động nghiên cứu ứng dụng và đào tạo và chuyển giao công nghệ.

7.5. Giải pháp phát triển khoa học - công nghệ

Chú trọng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản công nghệ cao, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ an toàn thực phẩm. Phát triển và nâng hiệu quả hoạt động khu nông nghiệp công nghệ cao. Áp dụng các cơ chế ưu đãi về thuế, phí để thúc đẩy doanh nghiệp huy động vốn cho mục tiêu đổi mới công nghệ, áp dụng phương thức sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường.

Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng. Đến năm 2020 cơ bản xây dựng được chính quyền điện tử, công dân điện tử, doanh nghiệp điện tử và phát triển thương mại điện tử.

7.6. Giải pháp về sử dụng đất

Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách về khai thác sử dụng đất, giải quyết nhanh các thủ tục hành chính cho thuê đất đối với các nhà đầu tư có dự án đầu tư vào lĩnh vực và ngành nghề ưu tiên của huyện. Thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất, thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp các lĩnh vực ngành nghề mũi nhọn, trong xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Tăng cường

công tác thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất, có giải pháp và kiên quyết xử lý “dự án treo, quy hoạch treo”.

7.7. Giải pháp bảo vệ môi trường

Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, thu gom và xử lý chất thải, xử lý nước thải. Triển khai có hiệu quả công tác quản lý hệ thống thoát nước tại các thị trấn. Thực hiện cấm mốc chỉ giới và quản lý chặt chẽ hành lang bảo vệ đối với toàn bộ công trình thủy lợi.

Tăng cường quản lý và hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học để hạn chế tối thiểu tình trạng gây ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước.

Quản lý hiệu quả việc khai thác sử dụng quỹ đất, tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm những vụ việc khiếu kiện về đất đai, đặc biệt tại những địa bàn ven đô thị.

Tăng cường đầu tư cho trồng cây phòng hộ đê điều. Đẩy mạnh các chương trình, dự án khắc phục, cải tạo vùng đất, khắc phục ô nhiễm nguồn nước và suy giảm hệ sinh thái tự nhiên.

Giám sát và quản lý chặt chẽ việc xây dựng mới các khu dân cư, các công trình ven sông, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và công trình hạ tầng khác theo hướng phòng chống bão lũ. Tiến hành các giải pháp hiệu quả phát triển các vùng đệm, vùng xanh, tăng cường công tác duy tu, nạo vét hệ thống thoát nước.

Khuyến khích, huy động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia đầu tư tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

7.8. Tăng cường hiệu quả quản lý, điều hành

Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy, bố trí luân chuyển đội ngũ cán bộ, cải cách thể chế theo hướng phát huy sức mạnh của mọi thành phần kinh tế, trong đó chú trọng phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế hợp tác, kết hợp nhà nước – tư nhân trong xây dựng, khai thác, bảo trì các công trình hạ tầng. Thúc đẩy liên kết hợp tác giữa các ngành, các địa phương, hiện đại hóa các doanh nghiệp, các hợp tác xã, xây dựng các thương hiệu hàng hóa, thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài và đầu tư tư nhân.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Dự án “Rà soát, điều chỉnh và bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện An Lão đến năm 2025” là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch xây dựng, đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm năm và hàng năm và các dự án đầu tư trên địa bàn theo quy định.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện An Lão chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thành phố có liên quan công bố công khai quy hoạch, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo quy định; nghiên cứu đề xuất các cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội, thu hút các nguồn lực thực hiện quy hoạch, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

3. Các Sở, ban, ngành thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với quy hoạch hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân huyện An Lão thực hiện quy hoạch. Cân đối nguồn lực và lồng ghép các chương trình, dự án thực hiện quy hoạch này vào kế hoạch hàng năm, 05 năm của thành phố. Đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án do thành phố quản lý thực hiện trên địa bàn huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Lão căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3045/QĐ-UB ngày 29/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án “Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện An Lão đến năm 2020”./. *NSK*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TTTU, TTHĐND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- CT, các PCT UBND TP;
- VPTU, VP HĐND TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- VP Đoàn ĐBQH HP;
- C, PCVP UBND TP;
- Các Phòng CV;
- Lưu: VT *VT*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
- CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Tùng

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN
HUYỆN AN LÃO ĐẾN NĂM 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3271/QĐ-UBND,
ngày 26/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	2016-2020	2021-2025	Tổng vốn (Tỷ đồng)	Nguồn vốn
A	DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH			5.224	
I	CÔNG NGHIỆP			400	
1	Phát triển các CCN Phía Tây TT An Lão, CCN An Tràng I; An Tràng II (TT Trường Sơn); CCN Cẩm Văn, xã Quốc Tuấn; CCN Quang Trung (đến năm 2020) và các CCN An Thọ, Chiến Thắng, CCN Cửa Hoạt – Quán Thắng (giai đoạn sau năm 2020).	x	x	350	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
2	Dự án khôi phục các làng nghề truyền thống dệt, thêu, điêu khắc... gắn với xây dựng nông thôn mới	x	x	50	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
II	NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			1.970	
1	Dự án cải tạo diện tích rừng tự nhiên kém hiệu quả và trồng rừng phòng hộ cảnh quan môi trường	x	x	45	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
2	Chương trình xây dựng Nông thôn mới	x	x	1.925	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
III	GIAO THÔNG			1.802	
	<i>Đường bộ</i>			1.492	
1	Cải tạo, nâng cấp đường PCLB đoạn qua xã Tân Dân, huyện An Lão. HM: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn từ ngã ba thôn Đại Hoàng đến Việt Khê	x		4	Tín dụng, NSNN
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã từ ĐH.36 (chùa Bà Đanh) qua thôn Việt Khê ra sông Đa Độ, xã Tân Dân, huyện An Lão	x		20	Tín dụng, NSNN
3	Cải tạo, nâng cấp đường trục huyện ĐH38 từ QL10 qua UBND xã Trường Thành đến cầu Cảnh xã Trường Thọ	x		15	Tín dụng, NSNN
4	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường huyện 34 từ QL10 (Chân cầu Cự, xã Quang Trung) đi đê sông lạch tray xã Trường Thọ, huyện An Lão.	x		43	ODA, NSNN
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện 35 từ ĐT360 đến ĐT362 địa bàn xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP Hải Phòng	x		13	Tín dụng, NSNN
6	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường huyện 36b đoạn từ ĐT.360 (ngã ba Lương Khánh Thiện) đến ngã ba Áng Sơn, xã Thái Sơn, huyện An Lão.	x		6	Tín dụng, NSNN

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	2016-2020	2021-2025	Tổng vốn (Tỷ đồng)	Nguồn vốn
7	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường huyện 37 đoạn từ QL10 (cây xăng Trường Thành) đến đền thờ nữ tướng Lê Chân, xã An Tiến, huyện An Lão.	x		11	Tín dụng, NSNN
8	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường huyện 37 đoạn từ ngã tư Bách Phương đi đê sông Đa Độ xã An Thắng, huyện An Lão.	x		9	Tín dụng, NSNN
9	Xây dựng hệ thống điểm đỗ, dừng tuyến đường cao tốc	x		65	NSNN, vốn huy động từ các thành phần kinh tế
10	Dự án Đường vành đai 3 thành phố đoạn trùng QL 10 từ An Lão đến Kênh Giang (theo dự án nâng cấp QL 10)	x	x	120	ODA, NSNN
11	Nâng cấp cải tạo tuyến ĐH.36 từ thị trấn An Lão qua các xã An Thắng, Tân Dân và Thái Sơn	x		50	Tín dụng, NSNN
12	Cải tạo, nâng cấp ĐH.39 (đoạn từ Km1+303,5 đến Km3+936,5)	x		50	Tín dụng, NSNN
13	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ ĐT.360 (QL10 cũ) đến ĐT.357 đi phà Kiều An qua sông Lạch Tray sang huyện An Dương, Hải Phòng.	x	x	31	ODA, NSNN
14	Cải tạo, nâng cấp đường 301 huyện An Lão	x		148	Tín dụng, NSNN
15	Cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 304 từ Quốc lộ 10 đi bên phà Quang Thanh, huyện An Lão	x		54	ODA, NSNN
16	Xây dựng tuyến đường bờ sông từ cầu Vàng 1 đi qua Trụ sở Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện An Lão đến cầu Vàng 2		x	12	ODA, NSNN
17	Xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn kết hợp giao thông từ thị trấn Trường Sơn đến đê hữu Lạch Tray (thuộc huyện An Lão)		x	100	ODA, NSNN
18	Cải tạo nâng cấp tuyến đường 39B từ ĐT.354 đến ĐH.39 đi qua địa bàn 02 xã Mỹ Đức - An Thọ huyện An Lão	x		25	Tín dụng, NSNN
19	Nâng cấp cải tạo tuyến đường từ tỉnh lộ 354 đến đường trục huyện 39 huyện An Lão	x		32	Tín dụng, NSNN
20	Cải tạo, nâng cấp cầu Vàng 1 nằm trên đường tỉnh 360	x	x	20	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
21	Xây dựng 01 cầu mới (cầu Vàng 3) trên tuyến đường vành đai của thị trấn		x	200	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
22	Xây dựng cầu cảnh quan phục vụ người dân đi lại hai bên sông Đa Độ		x	25	NSNN + Nguồn hợp pháp khác

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	2016-2020	2021-2025	Tổng vốn (Tỷ đồng)	Nguồn vốn
23	Xây dựng cầu Quang Thanh qua sông Văn Úc trên địa bàn xã Quang Hưng	x	x	399	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
24	Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường trục chính đô thị (Đường Trần Tất Văn, Đường Ngô Quyền (ĐT.360), Đường Lê Lợi (ĐT.357), Đường Nguyễn Văn Trỗi (ĐH.33), Đường Nguyễn Chuyên Mỹ (ĐH.36).	x	x	40	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
	Đường thủy			310	
1	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đê sông trên địa bàn	x	x	80	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
2	Cải tạo tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn	x	x	50	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
3	Nâng cấp hệ thống sông Đa Độ (cứng hóa mặt đê và đường giao thông thuộc địa phận huyện An Lão)	x	x	180	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
IV.	THỦY LỢI, CẤP NƯỚC, CẤP ĐIỆN			452	
	Thủy lợi			217	
1	Xây dựng trạm bơm Đồng Đò 2 xã Mỹ Đức	x		1	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
2	Xây dựng trạm bơm thôn Khúc Giản xã An Tiến	x		1	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
3	Nâng cấp, tu bổ các công trình thủy lợi	x	x	120	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
4	Nâng cấp và xây dựng một số trạm bơm lớn tiêu cho vùng trũng	x		35	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
5	Dự án đầu tư gia cố mái kênh, bờ kênh chống ô nhiễm nguồn nước	x		60	NSNN + Nguồn hợp pháp khác
	Cấp nước			200	
1	Dự án xây dựng mạng lưới thoát nước đô thị		x	200	ODA, NSNN, Nguồn hợp pháp khác

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	2016-2020	2021-2025	Tổng vốn (Tỷ đồng)	Nguồn vốn
	Cấp điện			35	
1	Dự án phát triển lưới chiếu sáng đô thị	x	x	35	NSNN+ Nguồn hợp pháp khác
V	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ			57	
1	Xây dựng hệ thống CNTT, nối mạng Internet: Trụ sở các xã, thị trấn - các cơ quan hành chính - ngành giáo dục thành phố...	x		10	NSNN+ Nguồn hợp pháp khác
2	Dự án Số hóa quản lý hệ thống hạ tầng đô thị		x	12	NSNN+ Nguồn hợp pháp khác
3	Dự án ngầm hóa cáp thông tin tại các thị trấn An Lão và Trường Sơn và các khu, cụm công nghiệp	x	x	35	NSNN+ Nguồn hợp pháp khác
VI	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG			172	
1	Dự án xây dựng hệ thống thu gom, xử lý chất thải các khu đô thị.	x	x	80	NNSNN+ Nguồn hợp pháp khác
2	Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung của huyện An Lão tại xã An Tiến để thu gom xử lý nước thải của Bệnh viện và khu vực thị trấn An Lão	x	x	35	NNSNN+ Nguồn hợp pháp khác
3	Dự án cải tạo môi trường sinh thái nông thôn, phòng chống suy thoái môi trường cứng cổ vành đai cây xanh cho các khu dân cư, các vùng ven sông	x	x	25	NNSNN+ Nguồn hợp pháp khác
4	Xây dựng Khu xử lý chất thải rắn tập trung của huyện tại thôn Ngọc Chừ, xã Trường Thọ, diện tích 10ha	x	x	20	NNSNN+ Nguồn hợp pháp khác
5	Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng, di chuyển các nghĩa trang trên địa bàn huyện	x	x	12	NNSNN+ Nguồn hợp pháp khác
VII	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO			158	
1	Xây dựng Khu hiệu bộ 2 tầng và các công trình phụ trợ trường THCS Nguyễn Chuyên Mỹ xã An Thái	x		5	ODA, NSNN Nguồn hợp pháp khác
2	Nhà lớp học trường Mầm non Tân Viên	x		6	ODA, NSNN Nguồn hợp pháp khác
3	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng học chức năng 3 tầng, nhà đa năng, các công trình phụ trợ Trường trung học phổ thông Quốc Tuấn	x		16	ODA, NSNN Nguồn hợp pháp khác

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	2016-2020	2021-2025	Tổng vốn (Tỷ đồng)	Nguồn vốn
4	Xây dựng nhà lớp học, thư viện, nhà đa năng, sân trường, các công trình phụ trợ Trường trung học phổ thông Trần Hưng Đạo	x		8	ODA, NSNN Nguồn hợp pháp khác
5	Thành lập mới 1-2 trường mầm non tư thục chất lượng cao	x	x	14	ODA, NSNN Nguồn hợp pháp khác
6	Mở rộng diện tích các trường mầm non Tân Viên, Bát Trang, Trường Thành, Quốc Tuấn, TT. An Lão, An Thái, Trường Sơn; trường TH Trường Sơn, Áng Sơn, Trường Thọ (điểm trường tiểu học Ngọc Chử); trường THCS Trường Sơn, Quang Trung, Lương Khánh Thiện (TT. An Lão), Thái Sơn, Mỹ Đức, Tân Viên, Quang Hưng.	x	x	26	ODA + NSNN + Nguồn hợp pháp khác
7	Xây dựng thêm phòng học, nhà hiệu bộ: trường THCS Lê Khắc Cẩn (xã An Thọ); THCS An Tiến, TH Trường Sơn, TH Bát Trang, TH Mỹ Đức 1, MN Bát Trang, MN Tân Dân, MN Thái Sơn 1, MN Tân Viên	x		40	ODA, NSNN Nguồn hợp pháp khác
8	Chuyển vị trí 05 điểm trường mầm non gồm: trường Thượng Trang (Bát Trang), An Luận (An Tiến), Tiến Lập, Minh Khai, Tân Nam (Mỹ Đức).		x	10	ODA, NSNN Nguồn hợp pháp khác
9	Tách trường MN Mỹ Đức thành 2 trường.	x	x	8	ODA, NSNN Nguồn hợp pháp khác
10	Đồn một số điểm lẻ của các trường mầm non: điểm Khúc Giản (MN An Tiến), Văn Tràng 2 (MN Trường Sơn); Tiến Lập, Tân Nam, Minh Khai (MN Mỹ Đức); Phương Hạ (MN Chiến Thắng), Kinh Điền (MN Tân Viên).	x		12	ODA, NSNN Nguồn hợp pháp khác
11	Dự án phát triển các cơ sở đào tạo nghề		x	20	ODA, NSNN Nguồn hợp pháp khác
12	Dự án nâng cấp các cơ sở nuôi dưỡng bảo trợ xã hội		x	6	ODA, NSNN Nguồn hợp pháp khác
VIII	Y TẾ - DỊCH VỤ XÃ HỘI			8	
1	Dự án nâng cấp, cải tạo cơ sở điều trị II Mỹ Đức	x	x	8	ODA, NSNN Nguồn hợp pháp khác
IX	QUỐC PHÒNG – AN NINH			100	
1	Xây dựng các công trình trong khu vực phòng thủ của huyện	x	x	100	NSNN
X	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			105	
1	Cải tạo, nâng cấp Nhà hội trường và các công trình phụ trợ trụ sở UBND thị trấn An Lão	x		5	NSNN

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	2016-2020	2021-2025	Tổng vốn (Tỷ đồng)	Nguồn vốn
2	Nhà hội trường trụ sở UBND thị trấn Trường Sơn	x		5	NSNN
3	Dự án xây dựng trụ sở cơ quan UBND Thị trấn An Lão tại địa điểm mới		x	35	NSNN
4	Dự án xây mới, kiên cố, hiện đại hoá trụ sở các xã, thị trấn	x	x	60	NSNN
B	DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGOÀI NGÂN SÁCH			12.866	
I	CÔNG NGHIỆP			4.310	
1	Dự án mở rộng KCN Tràng Duệ trên địa bàn 4 xã của huyện An Lão (600 ha)	x	x	300	Huy động các thành phần KT
2	Dự án phát triển KCN Cầu Cựu (102,47ha)	x	x	210	Huy động các thành phần KT
3	Dự án sản xuất màn hình tinh thể lỏng LCD, LED, OLED tại KCN Tràng Duệ và Cầu Cựu	x	x	250	FDI
4	Dự án sản xuất máy tính và các thiết bị mạng, thiết bị bảo mật tại KCN Tràng Duệ và Cầu Cựu	x	x	200	FDI
5	Dự án sản xuất linh kiện điện tử, máy tính xách tay	x	x	200	FDI
6	Dự án sản xuất, chế tạo, lắp ráp thiết bị chẩn đoán hình ảnh, máy quang học y tế, máy phẫu thuật khúc xạ laser	x	x	200	FDI
7	Dự án sản xuất các thiết bị, dụng cụ phân tích lý hóa, phân tích ga, khói, quang phổ, phóng xạ quang học, đo ánh sáng	x	x	150	FDI
8	Dự án sản xuất các thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi, sản xuất các vi mạch điện tử phục vụ các ngành CN công nghệ cao	x	x	150	FDI
9	Dự án sản xuất các linh kiện và máy móc, thiết bị điện tử ngành bưu chính, viễn thông và cáp viễn thông	x	x	250	FDI
10	Dự án sản xuất đồ gia dụng : máy điều hòa, tủ lạnh, máy rửa bát, bình nước nóng, nồi cơm điện	x	x	300	FDI
11	Dự án sản xuất các thiết bị đo lường, quan trắc	x	x	150	FDI
12	Dự án sản xuất, chế tạo các thiết bị, máy móc điều khiển số : máy tiện, khoan, nghiền, xay, mài, uốn, gấp, cán, xén, hàn...	x	x	350	FDI
13	Dự án sản xuất linh kiện, thiết bị, máy móc phục vụ ngành vận tải đường sắt và đường bộ : toa xe, xe tải hạng nặng	x	x	500	FDI
14	Dự án chế tạo pin nhiên liệu hydro, pin năng lượng mặt trời, pin nhiên liệu, methanol, pin sinh học	x	x	200	FDI
15	Dự án sản xuất sơn có khả năng chịu nhiệt, làm giảm nhiệt độ bề mặt	x	x	200	FDI
16	Dự án sản xuất sơn điện ly phục vụ cho ngành công nghiệp ô tô	x	x	200	FDI

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	2016-2020	2021-2025	Tổng vốn (Tỷ đồng)	Nguồn vốn
17	Sản xuất các loại máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế	x	x	500	Đầu tư ngoài ngân sách, FDI
II	NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			260	
1	Xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	x	x	35	Đầu tư ngoài ngân sách, FDI
2	Dự án trồng lúa đặc sản chất lượng cao	x	x	30	Huy động các thành phần KT
3	Dự án sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao	x	x	15	Đầu tư ngoài ngân sách, FDI
4	Phát triển kinh tế trang trại như nuôi thủy sản, trồng cây ăn quả, nuôi gia cầm	x	x	100	Huy động các thành phần KT
5	Dự án phát triển các loại rau an toàn chất lượng cao	x	x	80	Huy động các thành phần KT
III	THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH			475	
1	Xây dựng Khu dân cư thương mại và chợ An Lão (TT. An Lão, xã An Tiến, xã An Thắng)	x	x	80	Đầu tư ngoài NS, FDI
2	Dự án phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG	x	x	35	Đầu tư ngoài NS, FDI
3	Dự án xây dựng hệ thống chợ trên địa bàn huyện (chợ đầu mối nông sản An Lão, nâng cấp các chợ trung tâm TT. Trường Sơn, TT. An Lão, xây dựng mới và nâng cấp hệ thống chợ xã đạt tiêu chuẩn chợ loại 3)	x	x	200	Đầu tư ngoài NS, FDI
4	Xây dựng các TTTM, siêu thị, hệ thống cửa hàng tiện ích	x	x	160	Đầu tư ngoài NS, FDI
IV	GIAO THÔNG (do thành phố quản lý)			7.200	
1	Dự án đầu tư xây dựng đường nối giữa quốc lộ 10 với quốc lộ 5 thành phố Hải Phòng	x	x	3.000	PPP
2	Mở rộng đường 10 từ Quán Toan đến Bí Chợ	x	x	2.200	PPP
3	Đường gom quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn Hải Phòng	x	x	2.000	PPP
V	CẤP NƯỚC, CẤP ĐIỆN			205	
	Cấp nước			125	
1	Nâng cấp nhà máy nước An Tiến TT An Lão lên 15.000m ³ /ng.đ.	x	x	40	Đầu tư ngoài NS, FDI
2	Nâng cấp nhà máy nước Quang Trung TT An Lão lên 16.500m ³ /ngày đêm;	x	x	35	Đầu tư ngoài NS, FDI
3	Dự án hoàn chỉnh hệ thống cấp nước của nhà máy nước Cầu Nguyệt		x	50	Đầu tư ngoài NS, FDI

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	2016-2020	2021-2025	Tổng vốn (Tỷ đồng)	Nguồn vốn
	Cấp điện			80	
1	Xây dựng trạm biến áp An Lão 1 (2x40MVA)	x		18	Đầu tư ngoài ngân sách
2	Xây dựng trạm biến áp An Lão 2 (1x40MVA)	x		18	Đầu tư ngoài ngân sách
3	Dự án đường dây 110kV từ MBA 220kV cấp điện cho TBA An Lão 2	x		6	Đầu tư ngoài ngân sách
4	Cải tạo, nâng cấp 18 trạm biến áp phụ tải 35/0,4kV và 10/0,4kV hiện có thành trạm 22kV/0,4kV	x		9	Đầu tư ngoài ngân sách
5	Xây mới 35 trạm biến áp 22kV/0,4kV	x	x	8	Đầu tư ngoài ngân sách
6	Hạ ngầm lưới điện 0,4kV tại các trục đường chính và các khu đô thị mới tại các thị trấn	x	x	5	Đầu tư ngoài ngân sách
7	Xây dựng TBA 220kV : 2x250MVA-220/110kV		x	16	Đầu tư ngoài ngân sách
VI	VĂN HOÁ THÔNG TIN - THỂ DỤC THỂ THAO			416	
1	Dự án đầu tư phát triển Khu du lịch sinh thái và sân golt Núi Voi	x	x	125	Đầu tư ngoài NS, FDI
2	Đầu tư hoàn chỉnh các Nhà VH xã, thị trấn, Điểm VH khu dân cư.	x	x	21	Đầu tư ngoài NS, FDI
3	Dự án xây dựng nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ	x		10	Đầu tư ngoài NS, FDI
4	Dự án xây dựng Đền thờ Tam Tiến Sỹ (Làng Thạch Lựu xã An Thái)		x	10	Đầu tư ngoài NS, FDI
5	Dự án tu sửa, nâng cấp trung tâm thể thao huyện, sân vận động, thư viện, nhà truyền thống	x	x	45	Đầu tư ngoài NS, FDI
6	Tu bổ, tôn tạo, xây dựng 3 di tích cấp Quốc gia (Núi Voi, Núi Xuân Sơn, Núi Đọ, Đỉnh Chùa Bách Phương xã An Thắng, Đền Văn Tráng Thị trấn Trường Sơn)	x	x	150	Đầu tư ngoài NS, FDI
7	Nâng cấp hệ thống Đài Phát thanh, trạm truyền thanh các xã, Thị trấn	x		55	Đầu tư ngoài NS, FDI